

Số: **379**/TB -TYT

Chương Mỹ, ngày 17 tháng 6 năm 2026

V/v: Thông báo mua tài sản, công cụ
thanh lý lần 6.

Kính gửi: Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu mua tài sản,
công cụ thanh lý.

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ - CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ về
quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 111/QĐ-TYT ngày 14/4/2026 của Trạm Y tế phường
Chương Mỹ về việc thanh lý tài sản, công cụ dụng cụ năm 2026;

Căn cứ Chứng thư thẩm định giá số: 337/2026/62CT ngày 11/5/2026 của
Công ty Cổ phần thẩm định giá Gia Định;

Căn cứ kết quả biên bản xác nhận hết thời gian đăng ký tham gia mua tài
sản thanh lý lần 5 ngày 10/6/2026 của Trạm y tế phường Chương Mỹ.

Trạm Y tế phường Chương Mỹ tiếp tục thông báo có nhu cầu bán thanh lý
danh mục tài sản, công cụ như sau:

**1. Danh mục tài sản, công cụ được phê duyệt thanh lý: (Có phục lục
kèm theo)**

2. Mục đích: Lựa chọn tổ chức, cá nhân có văn bản đề nghị mua tài sản,
công cụ thanh lý sớm nhất với mức giá tối thiểu là: 25.686.900 đồng (*Bằng chữ:*
Hai mươi lăm triệu sáu trăm tám sáu nghìn chín trăm đồng).

Yêu cầu: đơn vị trúng thu mua có trách nhiệm vận chuyển tài sản, công cụ
hông ra khỏi nơi sử dụng tài sản đúng thời gian cam kết.

3. Thời điểm nhận văn bản đề nghị mua: từ 14h00 ngày 17/6/2026 đến
17h ngày 23/6/2026, trừ ngày nghỉ thứ 7, chủ nhật. (*Có mẫu đính kèm*)

**4. Nơi đăng thông báo và nơi nhận văn bản đề nghị mua tài sản, công
cụ thanh lý:**

- Nơi đăng thông báo:

+ Thông báo được dán tại trụ sở Trạm Y tế phường Chương Mỹ - Tổ dân
phố Nội An - phường Chương Mỹ - Hà Nội.

+ Thông báo được đăng tải trên trang Website :

<https://trungtamytechuongmy.vn>

- Nơi xem hiện trạng tài sản thanh lý và nhận văn bản đề nghị mua tài sản
thanh lý: Phòng Hành chính tổng hợp, Trạm Y tế phường Chương Mỹ trong giờ
hành chính (Liên hệ CN Đặng Hữu Thuận - Số điện thoại: 0904 687 939).Địa chỉ:
Tổ dân phố Nội An, phường Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.

Trạm Y tế phường Chương Mỹ kính mời các tổ chức, cá nhân tham gia mua
tài sản, công cụ thanh lý./.

Nơi nhận

- Như kính gửi;
- Tổ HCTCNS;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC


Đương Mạnh Hùng

TRẠM Y TẾ PHƯỜNG CHƯƠNG MỸ

DANH MỤC TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THANH LÝ 2026

(Kèm theo thông báo số 319/TB-TYT ngày 17/6/2026 của trạm y tế phường Chương Mỹ)

TT	Tên TSCĐ	Đơn vị tính	Hiện có tại đơn vị					Ghi chú
			Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Mã hiệu, số seri	Nguyên giá theo SSKT (ĐVT: đồng)	
1	Máy siêu âm đen trắng Aloka - MSA - TXT	Chiếc	1	2010	Aloka - Nhật	Model SSD - 500 M17783C	290.300.000	Thụy Hương
2	Máy siêu âm đen trắng Aloka - MSA - NH	Chiếc	1	2010	Aloka - Nhật	Model Prosound 2 - 200M9672	290.300.000	Thụy Hương
3	Nồi hấp áp lực 18 lít	Chiếc	1	2010	TOMY SEIKO Nhật	Model Autoclave ES-215 IEC898	111.500.000	Thụy Hương
4	Nồi hấp áp lực 18 lít	Chiếc	1	2010	TOMY SEIKO Nhật	Model Autoclave ES-215	111.500.000	Chúc Sơn
5	Nồi hấp tiệt trùng	Chiếc	1	2021	Jiangyin biniang	21S/08918	19.140.000	Tiên Phương
6	Tủ lạnh chuyên dụng 24 lít	Chiếc	1	2014	Luxembourg	RCW 50EG	70.250.000	Chúc Sơn
7	Tủ lạnh chuyên dụng 24 lít	Chiếc	1	2014	Luxembourg	RCW 50EG - 4411324	70.250.000	Phụng Châu
8	Tủ lạnh chuyên dụng 24 lít	Chiếc	1	2014	Luxembourg	RCW 50EG	70.250.000	Tiên Phương
9	Tủ lạnh chuyên dụng	Chiếc	1	2014	RCW 50EG	Luxembourg - 4431189	70.250.000	Biên Giang
10	Máy hút dịch	Chiếc	1	2011	Nhật bản	11070584	28.500.000	Phụng Châu
11	Máy hút dịch	Chiếc	1	2011	Nhật bản	A/B32	28.500.000	Thụy Hương
12	Máy soi cổ tử cung	Chiếc	1	2014	Trung Quốc	ZL - 604E	149.895.900	Dân số
13	Máy sinh hoá nước tiểu 10 thông số	Chiếc	1	2014	Trung Quốc	U120 Urine Anl	17.500.000	Dân số
14	Máy xét nghiệm nước tiểu 10 thông số	Chiếc	1	2011	Đức	72286	30.800.000	Phụng Châu
15	Máy xét nghiệm nước tiểu 10 thông số	Chiếc	1	2011	UK	AA/LR6 1,5v	30.800.000	Tiên Phương
16	Máy xét nghiệm nước tiểu 10 thông số	Chiếc	1	2016	UK	AA/LR6	36.345.000	Thụy Hương
17	Máy xét nghiệm nước tiểu	Chiếc	1	2011	Grmany	SN 205646	28.500.000	Biên Giang

CH
TR
in

TT	Tên TSCĐ	Đơn vị tính	Hiện có tại đơn vị					Nguyên giá theo SSKT (ĐVT: đồng)	Ghi chú
			Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Mã hiệu, số seri			
37	Máy vi tính + Máy in	bộ	1	2011	Korea	LG - 010VNRG1X64	10.995.000	Biên Giang	
38	Máy vi tính + Máy in	bộ	1	2012	China	HP - 6CM152009N	13.500.000	Biên Giang	
39	Máy vi tính	chiếc	1	2010	Đông Nam Á		10.600.000	Tổ Hành chính	
40	Máy phô tô - D.số cũ	cái	1	2014	RICOH		86.850.000	Tổ Hành chính	
41	Máy vi tính xách tay	cái	1	2010	Trung Quốc	Acer aspire	22.858.000	Tổ KHNH - Hur	
42	Máy vi tính	cái	1	2014	Việt Nam	Model W19438E	11.500.000	Dân số	
43	Điều hoà	cái	1	2016	Việt nam	LG 12000BTU	12.326.000	Chúc Sơn	
44	Điều hoà	cái	1	2016	Hàn Quốc	LG S09 12000BTU	12.326.000	Thụy Hương	
45	Điều hoà	cái	1	2016	Hàn Quốc	LGS06EN2 - 9000BTU	10.076.000	Thụy Hương	
46	Tăng âm liền loa	Chiếc	1	2019	Việt Nam - MA 318	Inpropr 501	16.423.000	Tiên Phương	
47	Tăng âm liền loa	Chiếc	1	2019	Việt Nam	Inpropr 501 - SO 630M	16.423.000	Thụy Hương	
48	Bình bơm tay	chiếc	1	2020	Đức	Mesto	12.000.000	Phụng Châu	
49	Bình bơm tay	chiếc	1	2020	Đức	Mesto - CE0091	12.000.000	Tiên Phương	
50	Bình bơm tay	chiếc	1	2020	Đức	Mesto	12.000.000	Ngọc Hoà	
51	Bình bơm tay	chiếc	1	2020	Đức	Mesto	12.000.000	Đại Yên	
52	Máy xét nghiệm nước tiểu 10 thông số	chiếc	1	2011	Đức		30.800.000	Đại Yên	
53	Máy phun thuốc phòng dịch	chiếc	1	2011	Đức		13.281.000	Đại Yên	
Tổng cộng (53 danh mục)							2.341.281.900		

TRẠM Y TẾ PHƯỜNG CHƯƠNG MỸ

DANH MỤC CÔNG CỤ, DỤNG CỤ THANH LÝ 2026

(Kèm theo thông báo số 349/TB-TYT ngày 17/6/2026 của trạm y tế phường Chương Mỹ)

STT	Tên danh mục	Năm đưa vào sử dụng	Nước sx	Đơn giá	Số lượng	Nguyên giá theo SSKT (ĐVT: đồng)	Ghi chú
1	TỔ HÀNH CHÍNH -TC-NS					3.000.000	
1	Bảng thông báo hội thảo	2016	Việt Nam	650.000	1	650.000	
2	Tủ tài liệu 4 ô cánh kính	2010	Việt Nam	2.350.000	1	2.350.000	
2	TỔ DƯỢC -TBYT-CLS					5.545.000	
1	Bảng khung nhôm KT 245 x 125 cm	2015	Việt Nam	1.450.000	1	1.450.000	
2	Bảng khung nhôm KT 85 x 125 cm	2015	Việt Nam	720.000	1	720.000	
3	Bảng khung nhôm KT 85 x 125 cm	2015	Việt Nam	2.560.000	1	2.560.000	
4	Đồng hồ bấm giây	2012	"	495.000	1	495.000	
5	Giá để dụng cụ 18 lỗ	2010	"	320.000	1	320.000	
3	TỔ KHÁM BỆNH - CHỮA BỆNH					14.212.000	
1	Bình bơm điện phun hoá chất Oshima OS20	2018	Tr. Quốc	1.000.000	1	1.000.000	
2	Bình phun tay	2020		4.600.000	1	4.600.000	
3	Máy phun hoá chất chạy ắc qui	2019	Tr. Quốc	1.305.000	1	1.305.000	
4	Đệm cứng	2020	Việt nam	2.387.000	1	2.387.000	
5	Bộ nạo hút thai	2009	"	3.390.000	1	3.390.000	
6	Quạt cây Media	2016	Việt nam	1.500.000	1	1.500.000	
7	Hộp đựng bông cotton	2009	"	30.000	1	30.000	
4	TỔ PHÒNG BỆNH - ATTP					12.305.000	
1	Ti vi LED TCL L3202790	2013	Việt nam	5.975.000	1	5.975.000	
2	Ôn áp Lioa 2kw	2012	"	2.000.000	1	2.000.000	
3	Bảng khung nhôm KT 245 x 125 cm	2015	"	1.450.000	1	1.450.000	
4	Bảng khung nhôm KT 85 x 125 cm	2015	"	1.440.000	2	2.880.000	
						-	
5	TỔ DÂN SỐ - BẢO TRỢ XH					10.098.000	
1	Ghế gấp G01	2014	Việt Nam	320.000	4	1.280.000	
2	TP link	2014	"	539.000	1	539.000	
3	Tủ I tế I nox	2014	"	1.200.000	3	3.600.000	
4	Máy In Canon LBP 3300	2014	TQ	4.679.000	1	4.679.000	
6	TỔ KHÁM BỆNH TÂM THẦN					4.716.000	
1	Tủ thuốc I Nox 5 tầng 2 khoang	2023	"	4.716.000	1	4.716.000	
7	ĐIỂM Y TẾ CHÚC SƠN					71.151.155	

STT	Tên danh mục	Năm đưa vào sử dụng	Nước sx	Đơn giá	Số lượng	Nguyên giá theo SSKT (ĐVT: đồng)	Ghi chú
4	Tủ sấy tiệt trùng	2009	Việt Nam	1.674.000	1	1.674.000	
5	Bảng thị lực	2012	Việt Nam	718.000	1	718.000	
6	Bộ huyết áp + ống nghe ALPK2	2018	"	937.200	2	1.874.400	
7	Bộ huyết áp + ống nghe ALPK2	2014	"	960.000	1	960.000	
8	Bộ huyết áp + ống nghe người lớn ALPK2	2018	Việt Nam	680.000	1	680.000	
9	Bộ khám ngũ quan 9 chi tiết	2012	"	845.000	1	845.000	
10	Bộ khám răng 11 chi tiết	2009	"	1.834.000	1	1.834.000	
11	Bộ khám răng 17 chi tiết	2011	"	3.245.000	1	3.245.000	
12	Bộ khám răng 4 chi tiết	2011	"	400.000	1	400.000	
13	Bộ tiêu phẫu 24 chi tiết	2012	"	6.184.500	1	6.184.500	
14	Bóc thụt + dây dẫn	2012	"	359.100	1	359.100	
15	Cân người lớn + thước đo Shanghai	2012	Việt Nam	1.700.000	1	1.700.000	
16	Đèn gù	2011	Việt Nam	725.000	1	725.000	
17	Đèn gù tiêu phẫu di động	2013	"	2.615.000	1	2.615.000	
18	Ga giường	2019	"	143.000	2	286.000	
19	Huyết áp + ống nghe ALPK2	2011	"	590.000	1	590.000	
20	Huyết áp người lớn Tanaka	2012	Việt Nam	764.400	1	764.400	
21	Máy điện châm Greatwall/TQ	2010	TQ	6.240.000	1	6.240.000	
22	Máy điện châm KW D8081	2010	"	1.749.000	1	1.749.000	
23	Máy hút dịch	2011	"	3.674.000	1	3.674.000	
24	Máy huỷ bơm kim tiêm	2009	Việt Nam	1.432.000	1	1.432.000	
25	Máy thử đường huyết -2013	2013	Trung Quốc	2.100.000	1	2.100.000	
26	Máy xét nghiệm đường huyết Oncall Plus G113-214	2022	"	1.440.000	1	1.440.000	
27	Nhiệt kế đo tai Medel	2014	Italia	1.200.000	1	1.200.000	
28	Nồi hấp tiệt trùng 18l	2012	Trung Quốc	4.200.000	1	4.200.000	
29	Ống nghe tim phổi	2010	Việt Nam	60.000	1	60.000	
30	Ống nghe tim phổi ALPK2	2015	"	40.000	1	40.000	
31	Thước đo đứng, năm TE	2011	Việt Nam	793.100	1	793.100	
32	Bộ huyết áp+ ống nghe ALPK2	2014	"	630.000	1	630.000	
33	Huyết áp điện tử	2022	Nhật	1.400.000	2	2.800.000	
34	Máy đo huyết áp điện tử Omron 8712	2022	Nhật	700.000	1	700.000	
35	Máy đo nồng độ SPO2 CONTEX CMS 50D	2022	Trung Quốc	400.000	10	4.000.000	
36	Máy đo SPO2 Janeko FS20D	2022	"	445.000	12	5.340.000	
37	Nhiệt kế điện tử đo trán	2022	"	900.000	3	2.700.000	
38	Nhiệt kế hồng ngoại 3 chế độ CHIDO Panga	2022	Nhật Bản	465.000	2	930.000	
39	Ống nghe ALPK P.C)	2013	Việt Nam	120.000	2	240.000	
9	ĐIỂM Y TẾ TIỀN PHƯƠNG					56.252.648	
1	Máy in OKI	2009	Nhật bản	7.622.574	1	7.622.574	
2	Bộ lưu điện UPS Liebert	2009	Trung Quốc	5.532.574	1	5.532.574	
3	Máy nghe tim thai Babycom	2009	Mỹ	6.936.000	1	6.936.000	
4	Máy phun thuốc phòng dịch 3WF -3A	2009	Việt Nam	7.310.000	1	7.310.000	



STT	Tên danh mục	Năm đưa vào sử dụng	Nước sx	Đơn giá	Số lượng	Nguyên giá theo SSKT (ĐVT: đồng)	Ghi chú
14	Loa nén treo tường	2021	"	2.250.000	1	2.250.000	
11	ĐIỂM Y TẾ ĐẠI YÊN					27.604.945	
1	Đèn gù 1 bóng, 1 chân đèn	2010	Việt nam	924.810	1	924.810	
2	Nhiệt kế đo tai Medel	2010	Italy	1.200.000	1	1.200.000	
3	Ghế gấp G01 Xuân hoà	2013	Việt Nam	350.000	1	350.000	
4	Ghế I Nox 4 chân	2010	"	16.687	5	83.435	
5	Máy bơm nước GP-200JXKIPX4	2014	"	2.149.400	1	2.149.400	
6	Quạt treo tường điện cơ thống nhất	2010	"	500.000	2	1.000.000	
7	Nhiệt kế điện tử đo trán Microlife	2021	Trung Quốc	900.000	3	2.700.000	
8	Máy huỷ bom kim tiêm	2010	Tiawan	1.435.000	1	1.435.000	
9	Bàn làm việc KT 1200 x 650 x 750 mm	2017	Việt Nam	900.000	1	900.000	
10	Nồi hấp tiệt trùng 20 lít	2010	Mỹ	4.968.300	1	4.968.300	
11	Bộ cắt rốn 6 chi tiết	2010	Việt Nam	1.612.000	1	1.612.000	
12	Máy hút dịch	2021	Nhật	3.674.000	1	3.674.000	
13	Huyết áp điện tử	2021	"	1.400.000	1	1.400.000	
14	Ống nghe ALPK	2022	"	120.000	2	240.000	
15	Ống nghe y tế Kenzmedico	2021	"	130.000	1	130.000	
16	Bộ khâu tăng sinh môn	2010	Việt Nam	1.559.000	1	1.559.000	
17	Mỏ vịt cỡ trung	2010	"	74.500	6	447.000	
18	Bạc lên xuống D40xR40XC46cm	2010	"	445.000	1	445.000	
19	Đệm cứng	2021	"	2.387.000	1	2.387.000	
12	ĐIỂM Y TẾ THUY HƯƠNG					57.530.161	
1	Máy in Canon	2012	Trung Quốc	3.820.000	1	3.820.000	
2	Máy in canon 2900	2017	"	3.300.000	1	3.300.000	
3	Tăng âm xách tay	2010	"	8.500.000	1	8.500.000	
4	Tăng âm TOA	2010	Indonesia	9.000.000	1	9.000.000	
5	Dây loa, phụ kiện	2010	"	500.000	1	500.000	
6	Loa nén TOA	2010	"	992.250	2	1.984.500	
7	Micro	2010	"	865.000	1	865.000	
8	Micro Shua	2010	China	1.600.000	1	1.600.000	
9	Ghế gấp G01 Xuân Hoà	2013	Việt Nam	390.000	1	390.000	
10	Ghế I nox 4 chân	2014	"	16.687	8	133.496	
11	Ổn áp lioa 2kw		"	2.000.000	1	2.000.000	
12	Tủ sấy tiệt trùng 25 lít	2010	"	1.674.000	1	1.674.000	
13	Bộ huyết áp + ống nghe ALPK2		Nhật	468.600	2	937.200	
14	Bộ huyết áp ống nghe người lớn ALPK2	2013	"	630.000	1	630.000	
15	Ống nghe tim phổi	2010	"	60.000	1	60.000	
16	Ống nghe tim phổi ALPK2	2015	Nhật	40.000	1	40.000	
17	Bình ô xy 8 lít	2010	China	1.050.000	1	1.050.000	
18	Bạc lên xuống D40xR40XC46 cm	2010	Việt nam	445.000	1	445.000	



STT	Tên danh mục	Năm đưa vào sử dụng	Nước sx	Đơn giá	Số lượng	Nguyên giá theo SSKT (ĐVT: đồng)	Ghi chú
26	Lò nướng điện Galy	2010	Trung Quốc	1.674.000	2	3.348.000	
27	Bình cứu hoả đẩy	2012	Việt Nam	1.650.000	2	3.300.000	
28	Tủ đựng tài liệu	2010	"	3.300.000	2	6.600.000	
29	Ghế xoay I nox	2015	"	460.000	2	920.000	
30	Hộp bông I nox	2006	"	248.000	1	248.000	
31	Bình bơm tay 3615FV	2020	Đức	#####	1	12.000.000	
32	Bộ khám phụ khoa	2012	Việt Nam	1.224.000	1	1.224.000	
33	Đồng hồ bấm giờ	2012	"	495.000	1	495.000	
34	Máy đo huyết áp thuỷ ngân	2010	Trung Quốc	600.000	1	600.000	
Tổng cộng: 231 danh mục						452.564.557	

